

THÔNG BÁO
Công khai cơ sở vật chất, năm học 2021-2022

STT	NỘI DUNG	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	31	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	-	-
1	Phòng học kiên cố	31	56m ² /45 hs
2	Phòng học bán kiên cố	-	-
3	Phòng học tạm	-	-
4	Phòng học nhờ	-	-
5	Số phòng học bộ môn	5	482m ² /1431hs
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	-	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	56m ²
8	Bình quân học sinh/lớp	45/1	1,2 m ²
III	Số điểm trường	-	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	4.945 m ²	-
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1224m ²	0,85m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1736m ²	56m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	482 m ²	96.4m ²
3	Diện tích phòng thiết bị (m ²)	-	-
3	Diện tích thư viện (m ²)	138 m ²	-
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	316 m ²	-
5	Diện tích phòng khác	-	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 6	47	
2	Khối lớp 7	65	
3	Khối lớp 8	64	
4	Khối lớp 9	60	
5	Vườn cây sinh vật	-	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	45	1 máy/1 học sinh
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	27	

STT	NỘI DUNG	Số lượng	Bình quân
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video, đầu đĩa	-	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2/4/0	
5	Thiết bị khác (máy in: 7, photo: 1, scane: 1)	9	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	30,8
XI	Nhà ăn	174,8

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	11 (711 m ²)	807	1 m ²
XIII	Khu nội trú (nhà công vụ)	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	X		X		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		X
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 6, ngày 01 tháng 10 năm 2021



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Hạnh Diễm Phúc